

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TUY PHONG
TỈNH BÌNH THUẬN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **21/2022/DSST**

Ngày 14/9/2022

V/v “Tranh chấp tiền huê”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY PHONG

-Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lý Văn Lầy

Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Ngô Anh Tuấn

2/ Bà Nguyễn Thị T1 Nguyên

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Văn Hồng Lễ – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phong tham gia phiên tòa: Ông Lâm Đa Cha - Kiểm sát Viên

Trong ngày 14 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 72/2022/TLST-DS, ngày 23/3/2022 của Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong, về việc “Tranh chấp tiền huê” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2022/QĐST-DS, ngày 30/8/2022 của Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1967; Địa chỉ: khu phố 1, thị trấn H, huyện P, Bình Thuận; Có đơn xin xét xử vắng mặt

2. Bị đơn: Vợ chồng ông **Huỳnh Văn C**, sinh năm 1966, bà **Trương Thị T1**, sinh năm 1967; Địa chỉ: khu phố 2, thị trấn H, huyện P, Bình Thuận; Xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện gửi đến Tòa án ngày 06 tháng 7 năm 2020 và những lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn trình bày: Vợ chồng bà Trương Thị T1, ông Huỳnh Văn C có tham gia chơi 01 đầu huê do bà làm thủ, huê dựng vào ngày 25/5/2018 với 12 phần, mỗi phần 3.000.000đ, vợ chồng bà T1 hót đầu chịu lỗ. Sau khi hót ông bà chỉ gởi tiền huê chết cho bà được 400.000đ, số tiền còn lại 32.600.000đ ông bà không nộp nữa, nhiều lần bà có đòi nhưng ông bà cứ hẹn lần này qua lần khác đến nay cũng chưa trả.

Tại Tòa bà kiện yêu cầu Tòa án giải quyết vợ chồng bà Trương Thị T1, ông Huỳnh Văn C phải có trách nhiệm hoàn trả cho bà số tiền 32.600.000đ.

Nay vợ chồng bà T1, ông C chỉ thừa nhận còn nợ bà 6.510.000đ, bà cũng chấp nhận và yêu cầu vợ chồng bà Trương Thị T1, ông Huỳnh Văn C phải có trách nhiệm hoàn trả cho bà số tiền này 01 lần, bà không đồng ý cho ông C, bà dần trả dần hàng tháng 100 .000đ. **Ngoài ra bà không yêu cầu gì thêm.**

Bị đơn vợ chồng bà Trương Thị T1, ông Huỳnh Văn C trình bày tại biên bản ghi lời khai của đương sự ngày 08 tháng 3 năm 2022:

Theo đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị T yêu cầu ông bà trả số tiền 32.600.000đ nhưng trong giấy bà T cung cấp cho Tòa ghi số tiền 33.000.000đ, vợ chồng ông bà xác nhận đã trả cho bà T hết nợ hiện chỉ còn thiếu bà T 6.510.000đ (sáu triệu năm trăm mười ngàn đồng), ông bà đồng ý hoàn trả số tiền trên cho bà T nhưng xin trả dần hàng tháng 100.000đ đến khi dứt nợ. Ông bà xin vắng mặt tại buổi hòa giải và tại phiên tòa xét xử. Ngoài ra ông bà không có ý kiến gì thêm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P phát biểu:

- Việc kiểm sát tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký: Các bước của quá trình chuẩn bị xét xử, việc thu thập chứng cứ và trình tự thủ tục tại phiên tòa của người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng là đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Quan điểm Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, Điều 91, khoản 1 Điều 147, Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 471, Điều 688 của Bộ luật dân sự; Điều 27, Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, sử dụng và quản lý án phí, lệ phí Tòa án;

Đề nghị Tòa tuyên: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T.

Buộc bị đơn bà Trương Thị T1, ông Huỳnh Văn C phải có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị T số tiền **6.510.000** đồng (Sáu triệu năm trăm mười ngàn đồng).

Về án phí buộc bị đơn phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Vợ chồng bà Trương Thị T1, ông Huỳnh Văn C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng họ xin vắng mặt; nguyên đơn bà Nguyễn Thị T có đơn xin xét xử vắng mặt. Việc xin vắng mặt của các đương sự là chính đáng nên Tòa án căn cứ vào khoản 1 Điều 227 Bộ Luật Tố tụng dân sự và đưa vụ án ra xét xử vắng mặt nguyên bị đơn theo thủ tục chung.

[2] Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật tranh chấp: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị T yêu cầu khởi kiện vợ chồng bà Trương Thị T1, ông Huỳnh Văn C phải có trách nhiệm hoàn trả nợ cho bà; Bị đơn vợ chồng bà Trương Thị T1, ông Huỳnh Văn C thừa nhận còn nợ của bà T số tiền 6.510.000đ và đồng ý hoàn trả theo yêu cầu của bà T. Chứng tỏ, đây thuộc trường hợp tranh chấp về hợp đồng dân sự theo khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự và xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là vụ kiện “Tranh chấp tiền huê được điều chỉnh theo Bộ luật dân sự. Vợ chồng bà Trương Thị T1, ông Huỳnh Văn C có nơi cư trú tại khu phố 1, thị trấn H, huyện P, tỉnh Bình Thuận nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án cấp huyện.

[2] Nội dung vụ án: Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị T xác nhận vào năm 2018 vợ chồng bà T1, ông C có tham gia chơi 01 đầu huê

3.000.000đ ông bà hốt đầu và chịu lỗ, sau khi hốt ông C, bà T1 chỉ đóng huê chết cho bà số tiền 400.000đ, còn lại 32.600.000đ ông bà không chịu đóng cho bà nên bà làm đơn khởi kiện. Bà T1, ông C thừa nhận có tham gia chơi huê cùng với bà T nhưng ông bà cho rằng sau khi hốt huê thì ông bà đã đóng đầy đủ tiền huê chết cho bà T và chỉ còn lại bà T 6.510.000đ, ông bà đồng ý hoàn trả số tiền này cho bà T và xin trả dần hàng tháng 100.000đ. Xét thấy, tại trong quá trình giải quyết vụ án bà Nguyễn Thị T chấp nhận số nợ vợ chồng bà T1 thừa nhận nhưng không đồng ý phương thức trả dần mà bà T1, ông C đưa ra. Do ý kiến của bị đơn, nguyên đơn không đồng ý nên Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định pháp luật để giải quyết, vì vậy buộc vợ chồng bà T1 phải hoàn trả cho bà T số tiền 6.510.000đ khi quyết định có hiệu lực pháp luật, không chấp nhận ý kiến của vợ chồng bà T1, ông C xin trả dần hàng tháng 100.000đ.

Từ những phân tích, nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị T đối với vợ chồng bà Trương Thị T1, ông Huỳnh Văn C về việc “tranh chấp tiền huê”. Buộc Vợ chồng bà Trương Thị T1, ông Huỳnh Văn C phải có trách nhiệm hoàn trả cho bà Nguyễn Thị T số tiền 6.510.000 đồng.

[3] Về phần án phí: Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải nộp án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Áp dụng: khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 92, Điều 147, khoản 2 Điều 228 của Bộ Luật tố tụng dân sự; Điều 471, Điều 357 của Bộ Luật dân sự; Điều 27, Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, sử dụng và quản lý án phí, lệ phí Tòa án;

[2] Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị T đối với vợ chồng bà Trương Thị T1, ông Huỳnh Văn C về việc “Tranh chấp tiền huê”.

Buộc vợ chồng bà Trương Thị T1, ông Huỳnh Văn C phải có trách nhiệm hoàn trả cho bà Nguyễn Thị T số tiền **6.510.000đ** (sáu triệu năm trăm mười nghìn đồng)

Về án phí: Vợ chồng bà Trương Thị T1, ông Huỳnh Văn C phải nộp **325.500đ** (Ba trăm hai mươi lăm nghìn năm trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm;

Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị T số tiền **815.000đ** (tám trăm mười lăm nghìn đồng) tạm ứng án phí tại biên lai thu số 0003406 ngày 23/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự.

[3] Về kháng cáo: Quyền kháng cáo bản án của nguyên đơn và bị đơn trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- VKSND (tỉnh + huyện);
- Tòa án tỉnh;
- Các đương sự;
- THA Huyện;
- Lưu HS.

Lý Văn Lầy